TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2022/QĐST-DS	Châu Thành, ngày 22 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày L biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** -Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963

-Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Ông L, bà T ủy quyền cho ông Lê Văn Sua, sinh năm 1965, địa chỉ: phường Q, thành phố E, tỉnh Tiền Giang

***Bị đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Bà T ủy quyền cho ông Lê Văn Mười, sinh năm 1962, địa chỉ: ấp M, xã N, thành phố L, tỉnh Bến Tre

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

-Bà Trần Thị B, sinh năm 1949, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (bà B ủy quyền cho ông Lê Văn S)

-Ông Hồ Văn L, sinh năm 1964, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

-Chị Hồ Trần T, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Bà Trần Thị T và ông Hồ Văn L đồng ý cho các nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T cùng các thành viên trong gia đình được sử dụng lối đi trên phần đất do bà Trần Thị T đứng tên.

-Bà Trần Thị T và ông Hồ Văn L đồng ý cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B được sử dụng lối đi trên phần đất do bà Trần Thị T đứng tên.

Phần lối đi bà T và ông L đồng ý cho nguyên đơn cùng các thành viên trong gia đình nguyên đơn và bà Trần Thị B được sử dụng cụ thể như sau:

Phần lối đi có tổng diện tích là 189,3m^2 thuộc một phần thửa 645 (thửa 645-2), tờ bản đồ 13, tọa lạc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre hiện do bà Trần Thị T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (số CV 714717 ngày 19/5/2020 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp). Vị trí phần lối đi như sau:

+Hướng Bắc giáp đường huyện C 01 có chiều ngang 1,4m.

+Hướng Nam giáp thửa đất 167 của ông Nguyễn Văn L có chiều ngang 1,51m.

+Hướng Tây giáp đất còn lại của thửa 645 của bà Trần Thị T.

+Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn S (thửa 123).

(theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 645, tờ bản đồ 13 ngày 08/4/2022 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre cung cấp)

-Trong quá trình ông L, bà T, bà B sử dụng lối đi, gia đình bà Trần Thị T không được ngăn cản. Trong quá trình sử dụng lối đi, ông L, bà T, bà B khi có nhu cầu cải tạo lối đi thì ông L, bà T, bà B phải thông báo với chủ đất là bà Trần Thị T và ông L, bà T, bà B tự chịu chi phí về việc cải tạo lối đi.

-Về chi phí tố tụng của vụ án với tổng số tiền là 5.045.000đ (năm triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn đồng): Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu ½ phần chi phí theo quy định, cụ thể:

+ông L, bà T cùng chịu số tiền 2.522.500 đồng

+bà T chịu số tiền 2.522.500 đồng

Phía nguyên đơn đã nộp xong chi phí tố tụng cho tòa án.

Bà Trần Thị T có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn (ông L và bà T) số tiền là 2.522.500đ (hai triệu năm trăm hai mươi hai ngàn năm trăm đồng).

-Về án phí: Phía nguyên đơn (ông L, bà T) tự nguyện chịu án phí không giá ngạch (hòa giải thành) với số tiền 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tạm

ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai T số 0004949 ngày 04/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông L, bà T được hoàn trả lại số tiền còn dư là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Đương sự;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Bích Việt